

PHỤ LỤC III:
TỔNG HỢP NHU CẦU PHÒNG HỌC CẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỂ
ĐẠT CHỈ TIÊU 300 PHÒNG HỌC/10.000 DÂN SỐ ĐỘ TUỔI THEO TỪNG CẤP HỌC

STT	Ủy ban nhân dân các Xã, phường, đặc khu	TỔNG CỘNG			CẤP MẦM NON (TỪ 3 - DƯỚI 6 TUỔI)			CẤP TIỂU HỌC (TỪ 6 ĐẾN DƯỚI 11 TUỔI)			CẤP THCS (TỪ 11 ĐẾN DƯỚI 15 TUỔI)			CẤP THPT (TỪ 15 ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI)		
		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300	
			Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm
	TỔNG CỘNG	277	341	18,962	443	61	1,333	265	102	5,410	230	91	6,085	199	87	6,134
1	Đặc khu Côn Đảo	325	0	1	318	0	0	361	0	0	325	0	0	259	0	1
2	Phường An Nhơn	340	0	34	514	0	0	453	0	0	256	0	22	270	0	12
3	Phường Rạch Dừa	243	5	278	563	0	0	160	4	177	236	0	38	165	1	63
4	Phường An Đông	451	0	0	460	0	0	376	0	0	316	0	0	726	0	0
5	Phường An Hội Đông	399	0	30	619	0	0	417	0	0	354	0	0	209	0	30
6	Phường An Hội Tây	273	2	127	389	0	0	174	1	73	178	1	54	433	0	0
7	Phường An Khánh	576	0	0	806	0	0	451	0	0	493	0	0	562	0	0
8	Phường An Lạc	411	0	22	929	0	0	366	0	0	266	0	22	353	0	0
9	Phường An Phú	305	4	218	703	0	0	163	3	144	201	1	50	195	0	24
10	Phường An Phú Đông	170	4	218	345	0	0	118	3	129	151	1	68	227	0	21
11	Phường Bà Rịa	293	0	41	408	0	0	282	0	9	273	0	12	247	0	20
12	Phường Bàn Cờ	637	1	22	368	0	0	1,310	0	0	931	0	0	0	1	22
13	Phường Bầy Hiên	250	4	234	682	0	0	237	1	50	141	2	118	162	1	66
14	Phường Bến Cát	262	2	143	439	0	0	246	1	57	196	1	74	235	0	12
15	Phường Bến Thành	342	0	37	532	0	0	450	0	0	285	0	2	209	0	35
16	Phường Bình Cơ	172	3	178	823	0	0	276	0	6	57	1	66	0	2	106
17	Phường Bình Dương	464	1	92	2,155	0	0	225	1	59	240	0	33	982	0	0
18	Phường Bình Đông	300	0	22	335	0	0	291	0	7	278	0	10	285	0	5
19	Phường Bình Hòa	179	4	241	456	0	0	136	2	93	124	1	64	0	1	84
20	Phường Bình Hưng Hòa	206	8	437	368	0	0	264	1	48	135	4	190	72	3	199
21	Phường Bình Lợi Trung	383	0	26	820	0	0	233	0	24	292	0	2	415	0	0
22	Phường Bình Phú	487	0	12	962	0	0	265	0	12	423	0	0	666	0	0
23	Phường Bình Quới	330	1	27	659	0	0	307	0	0	351	0	0	0	1	27
24	Phường Bình Tân	266	5	286	1,770	0	0	225	2	108	161	3	160	256	0	18
25	Phường Bình Tây	383	0	37	674	0	0	457	0	0	395	0	0	137	0	37
26	Phường Bình Thạnh	360	0	75	773	0	0	408	0	0	207	0	38	174	0	37
27	Phường Bình Thới	312	0	75	552	0	0	366	0	0	196	0	33	149	0	42

28	Phường Bình Tiên	233	2	107	172	1	34	370	0	0	243	0	18	135	1	55
----	------------------	-----	---	-----	-----	---	----	-----	---	---	-----	---	----	-----	---	----

STT	Ủy ban nhân dân các Xã, phường, đặc khu	TỔNG CỘNG			CẤP MẦM NON (TỪ 3 - DƯỚI 6 TUỔI)			CẤP TIỂU HỌC (TỪ 6 ĐẾN DƯỚI 11 TUỔI)			CẤP THCS (TỪ 11 ĐẾN DƯỚI 15 TUỔI)			CẤP THPT (TỪ 15 ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI)		
		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300	
			Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm
29	Phường Bình Trị Đông	265	3	199	656	0	0	249	0	36	127	3	142	210	0	21
30	Phường Bình Trưng	368	1	67	684	0	0	242	1	53	261	0	14	345	0	0
31	Phường Cát Lái	354	1	74	744	0	0	266	0	15	395	0	0	0	1	59
32	Phường Cầu Kiệu	262	1	82	584	0	0	323	0	0	249	0	9	0	1	73
33	Phường Cầu Ông Lãnh	259	2	94	180	1	28	209	1	46	447	0	0	201	0	20
34	Phường Chánh Hiệp	338	0	7	543	0	0	300	0	0	270	0	7	308	0	0
35	Phường Chánh Hưng	298	1	81	462	0	0	295	0	4	218	1	66	259	0	11
36	Phường Chánh Phú Hòa	237	1	73	383	0	0	220	0	28	262	0	7	0	1	38
37	Phường Chợ Lớn	573	0	0	558	0	0	665	0	0	576	0	0	471	0	0
38	Phường Chợ Quán	347	0	27	584	0	0	439	0	0	200	0	27	299	0	0
39	Phường Dĩ An	352	7	340	3,106	0	0	240	3	122	216	3	137	143	1	81
40	Phường Diên Hồng	469	0	6	634	0	0	538	0	0	421	0	0	266	0	6
41	Phường Đông Hòa	496	0	27	835	0	0	482	0	0	452	0	0	164	0	27
42	Phường Đông Hưng Thuận	222	6	361	371	0	0	243	1	66	233	1	53	101	4	242
43	Phường Đức Nhuận	330	0	20	541	0	0	272	0	11	266	0	9	326	0	0
44	Phường Gia Định	361	0	13	843	0	0	295	0	2	280	0	11	352	0	0
45	Phường Gò Vấp	172	5	229	347	0	0	104	3	128	155	1	55	127	1	46
46	Phường Hạnh Thông	229	1	112	240	0	15	299	0	0	223	0	33	114	1	64
47	Phường Hiệp Bình	293	5	257	606	0	0	177	3	145	157	2	96	216	0	16
48	Phường Hòa Bình	323	0	29	834	0	0	380	0	0	260	0	8	239	0	21
49	Phường Hòa Hưng	776	0	0	1,288	0	0	748	0	0	671	0	0	695	0	0
50	Phường Hòa Lợi	211	2	192	524	0	0	187	1	76	134	0	39	0	1	77
51	Phường Khánh Hội	73	11	522	149	3	60	95	3	156	51	3	173	0	2	133
52	Phường Lái Thiêu	189	6	321	385	0	0	219	2	89	168	2	99	0	2	133
53	Phường Linh Xuân	274	4	222	728	0	0	246	1	53	130	3	135	223	0	34
54	Phường Long Bình	305	1	97	695	0	0	226	1	47	233	0	22	231	0	28
55	Phường Long Hương	303	1	49	696	0	0	357	0	0	304	0	0	0	1	49
56	Phường Long Nguyên	210	1	101	293	0	1	327	0	0	201	0	26	0	1	74
57	Phường Long Phước	335	1	55	1,015	0	0	242	0	16	265	0	6	0	1	33
58	Phường Long Trường	170	3	170	210	1	27	136	1	79	161	1	46	205	0	18
59	Phường Minh Phụng	285	1	61	329	0	0	427	0	0	254	0	15	0	1	46

60	Phường Nhiêu Lộc	305	1	82	592	0	0	378	0	0	312	0	0	0	1	82
61	Phường Phú An	236	0	74	275	0	5	264	0	14	236	0	20	148	0	35

STT	Ủy ban nhân dân các Xã, phường, đặc khu	TỔNG CỘNG			CẤP MẦM NON (TỪ 3 - DƯỚI 6 TUỔI)			CẤP TIỂU HỌC (TỪ 6 ĐẾN DƯỚI 11 TUỔI)			CẤP THCS (TỪ 11 ĐẾN DƯỚI 15 TUỔI)			CẤP THPT (TỪ 15 ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI)		
		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300	
			Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm
62	Phường Phú Định	329	0	35	405	0	0	319	0	0	242	0	35	361	0	0
63	Phường Phú Lâm	283	1	86	532	0	0	361	0	0	84	1	86	327	0	0
64	Phường Phú Lợi	320	1	101	537	0	0	237	1	53	224	0	42	250	0	6
65	Phường Phú Mỹ	300	2	161	677	0	0	253	1	48	194	1	79	177	0	34
66	Phường Phú Nhuận	412	0	0	745	0	0	427	0	0	307	0	0	317	0	0
67	Phường Phú Thạnh	279	1	148	653	0	0	240	0	37	235	0	36	95	1	75
68	Phường Phú Thọ	304	1	51	680	0	0	326	0	0	262	0	8	0	1	43
69	Phường Phú Thọ Hòa	330	12	569	1,488	0	0	122	4	175	99	6	284	145	2	110
70	Phường Phú Thuận	196	3	196	715	0	0	266	0	12	0	2	97	0	1	87
71	Phường Phước Long	338	0	79	576	0	0	261	0	32	217	0	35	271	0	12
72	Phường Phước Thắng	257	2	147	440	0	0	242	1	49	181	1	81	252	0	17
73	Phường Sài Gòn	1,057	0	0	1,968	0	0	1,155	0	0	746	0	0	912	0	0
74	Phường Tam Bình	226	6	311	445	0	0	147	4	186	186	2	99	231	0	26
75	Phường Tam Long	263	1	73	633	0	0	264	0	12	230	0	20	0	1	41
76	Phường Tam Thăng	339	0	0	443	0	0	345	0	0	300	0	0	301	0	0
77	Phường Tăng Nhơn Phú	282	2	123	433	0	0	243	1	61	236	1	62	297	0	0
78	Phường Tân Bình	397	1	73	1,622	0	0	258	0	16	139	1	57	346	0	0
79	Phường Tân Định	430	0	0	462	0	0	359	0	0	445	0	0	488	0	0
80	Phường Tân Đông Hiệp	224	5	303	408	0	0	283	0	18	127	3	153	78	2	132
81	Phường Tân Hải	304	0	27	397	0	0	393	0	0	255	0	10	201	0	17
82	Phường Tân Hiệp	213	7	405	846	0	0	214	1	60	163	1	77	0	5	268
83	Phường Tân Hòa	393	0	24	476	0	0	371	0	0	522	0	0	200	0	24
84	Phường Tân Hưng	121	56	1,499	63	42	859	130	10	416	211	2	122	185	2	102
85	Phường Tân Khánh	207	8	422	671	0	0	180	3	144	95	4	205	122	1	73
86	Phường Tân Mỹ	425	0	0	745	0	0	373	0	0	347	0	0	407	0	0
87	Phường Tân Phú	358	0	0	562	0	0	321	0	0	324	0	0	334	0	0
88	Phường Tân Phước	318	1	54	607	0	0	427	0	0	293	0	1	0	1	53
89	Phường Tân Sơn	106	14	401	102	11	230	252	0	18	0	2	95	0	1	58
90	Phường Tân Sơn Hòa	291	1	106	1,188	0	0	242	0	17	190	0	30	0	1	59
91	Phường Tân Sơn Nhất	379	0	33	1,013	0	0	340	0	0	205	0	28	272	0	5

92	Phường Tân Sơn Nhì	657	0	14	4,108	0	0	267	0	13	296	0	1	1,200	0	0
93	Phường Tân Tạo	322	3	154	1,049	0	0	185	2	83	229	0	21	0	1	50
94	Phường Tân Thành	335	0	21	515	0	0	353	0	0	226	0	17	273	0	4

STT	Ủy ban nhân dân các Xã, phường, đặc khu	TỔNG CỘNG			CẤP MẦM NON (TỪ 3 - DƯỚI 6 TUỔI)			CẤP TIỂU HỌC (TỪ 6 ĐẾN DƯỚI 11 TUỔI)			CẤP THCS (TỪ 11 ĐẾN DƯỚI 15 TUỔI)			CẤP THPT (TỪ 15 ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI)		
		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300	
			Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm
95	Phường Tân Thới Hiệp	176	10	502	368	0	0	122	5	218	148	3	138	70	2	146
96	Phường Tân Thuận	240	1	138	340	0	0	266	0	25	170	1	88	191	0	25
97	Phường Tân Uyên	589	0	21	2,157	0	0	496	0	0	231	0	13	241	0	8
98	Phường Tây Nam	255	0	31	227	0	15	274	0	9	244	0	5	254	0	2
99	Phường Tây Thạnh	353	1	50	697	0	0	170	1	46	287	0	4	567	0	0
100	Phường Thạnh Mỹ Tây	670	0	0	978	0	0	711	0	0	571	0	0	498	0	0
101	Phường Thông Tây Hội	320	2	140	989	0	0	353	0	0	271	0	13	0	2	127
102	Phường Thới An	197	9	448	629	0	0	139	3	132	152	2	90	0	4	226
103	Phường Thới Hòa	256	3	144	392	0	0	189	2	85	215	1	45	240	0	14
104	Phường Thủ Dầu Một	298	1	130	616	0	0	331	0	0	186	1	84	203	0	46
105	Phường Thủ Đức	249	2	166	415	0	0	249	0	35	226	1	55	176	1	76
106	Phường Thuận An	223	2	144	341	0	0	265	0	20	183	1	58	116	1	66
107	Phường Thuận Giao	260	3	174	445	0	0	229	2	103	236	1	59	242	0	12
108	Phường Trung Mỹ Tây	181	7	357	342	0	0	100	4	192	105	3	144	256	0	21
109	Phường Vĩnh Hội	224	1	75	481	0	0	323	0	0	133	0	31	0	1	44
110	Phường Vĩnh Tân	357	0	61	1,804	0	0	228	0	18	204	0	21	138	0	22
111	Phường Vũng Tàu	322	2	137	584	0	0	406	0	0	306	0	0	80	2	137
112	Phường Vườn Lài	278	0	58	468	0	0	369	0	0	159	0	41	228	0	17
113	Phường Xóm Chiếu	424	0	29	911	0	0	594	0	0	443	0	0	225	0	29
114	Phường Xuân Hòa	606	0	0	867	0	0	359	0	0	527	0	0	856	0	0
115	Xã An Long	232	0	45	413	0	0	347	0	0	141	0	22	112	0	23
116	Xã An Nhơn Tây	359	0	7	457	0	0	415	0	0	313	0	0	258	0	7
117	Xã An Thới Đông	492	1	26	947	0	0	585	0	0	423	0	0	0	1	26
118	Xã Bà Điểm	229	6	343	451	0	0	214	2	107	150	4	198	228	0	38
119	Xã Bàu Bàng	276	0	46	418	0	0	230	0	18	225	0	15	229	0	13
120	Xã Bàu Lâm	268	1	38	430	0	0	394	0	0	307	0	0	0	1	38
121	Xã Bắc Tân Uyên	366	0	12	628	0	0	385	0	0	237	0	11	275	0	1
122	Xã Bình Chánh	274	1	69	310	0	0	329	0	0	294	0	2	127	1	67
123	Xã Bình Châu	231	1	51	227	0	12	362	0	0	264	0	5	0	1	34

124	Xã Bình Giã	337	1	39	683	0	0	390	0	0	361	0	0	0	1	39
125	Xã Bình Hưng	488	0	39	1,300	0	0	357	0	0	424	0	0	173	0	39
126	Xã Bình Khánh	396	0	1	338	0	0	510	0	0	289	0	1	390	0	0
127	Xã Bình Lợi	289	1	50	477	0	0	309	0	0	129	1	50	320	0	0

STT	Ủy ban nhân dân các Xã, phường, đặc khu	TỔNG CỘNG			CẤP MẦM NON (TỪ 3 - DƯỚI 6 TUỔI)			CẤP TIỂU HỌC (TỪ 6 ĐẾN DƯỚI 11 TUỔI)			CẤP THCS (TỪ 11 ĐẾN DƯỚI 15 TUỔI)			CẤP THPT (TỪ 15 ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI)		
		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300	
			Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm
128	Xã Bình Mỹ	195	1	154	492	0	0	221	0	38	217	0	29	0	1	87
129	Xã Càn Giã	492	0	2	531	0	0	666	0	0	422	0	0	268	0	2
130	Xã Châu Đức	375	1	31	513	0	0	543	0	0	325	0	0	0	1	31
131	Xã Châu Pha	335	1	13	443	0	0	328	0	0	349	0	0	0	1	13
132	Xã Cù Chi	239	4	164	244	2	47	241	1	50	218	1	67	324	0	0
133	Xã Dầu Tiếng	297	0	29	362	0	0	376	0	0	186	0	27	275	0	2
134	Xã Đất Đỏ	380	0	8	534	0	0	391	0	0	345	0	0	231	0	8
135	Xã Đông Thạnh	250	3	194	369	0	0	252	1	64	184	2	106	227	0	24
136	Xã Hiệp Phước	240	1	108	358	0	0	270	0	16	155	1	53	150	0	39
137	Xã Hòa Hiệp	318	1	20	419	0	0	391	0	0	292	0	1	0	1	19
138	Xã Hòa Hội	479	1	46	547	0	0	865	0	0	313	0	0	0	1	46
139	Xã Hóc Môn	283	1	92	453	0	0	284	0	12	187	1	77	277	0	3
140	Xã Hố Tràm	304	0	20	380	0	0	319	0	0	233	0	20	311	0	0
141	Xã Hưng Long	293	1	72	422	0	0	380	0	0	336	0	0	99	1	72
142	Xã Kim Long	358	0	0	372	0	0	327	0	0	400	0	0	341	0	0
143	Xã Long Điền	315	0	3	346	0	0	308	0	0	323	0	0	281	0	3
144	Xã Long Hải	316	0	0	314	0	0	318	0	0	304	0	0	336	0	0
145	Xã Long Hòa	301	0	13	366	0	0	356	0	0	271	0	4	221	0	9
146	Xã Long Sơn	331	1	32	740	0	0	448	0	0	221	0	8	0	1	24
147	Xã Minh Thạnh	334	0	11	402	0	0	390	0	0	240	0	7	241	0	4
148	Xã Ngãi Giao	413	0	0	374	0	0	408	0	0	481	0	0	380	0	0
149	Xã Nghĩa Thành	286	0	17	294	0	0	372	0	0	237	0	10	246	0	7
150	Xã Nhà Bè	294	3	138	440	0	0	229	2	93	248	1	45	309	0	0
151	Xã Nhuận Đức	337	1	38	584	0	0	395	0	0	291	0	1	0	1	37
152	Xã Phú Giáo	371	0	0	509	0	0	394	0	0	317	0	0	325	0	0
153	Xã Phú Hòa Đông	245	2	147	431	0	0	178	2	81	256	0	25	201	0	41
154	Xã Phước Hải	382	0	12	411	0	0	504	0	0	260	0	10	276	0	2
155	Xã Phước Hòa	358	0	24	793	0	0	409	0	0	287	0	2	156	0	22

156	Xã Phước Thành	466	0	4	619	0	0	629	0	0	378	0	0	235	0	4
157	Xã Tân An Hội	345	2	110	676	0	0	466	0	0	366	0	0	0	2	110
158	Xã Tân Nhựt	285	0	62	434	0	0	284	0	11	294	0	2	144	0	49
159	Xã Tân Vĩnh Lộc	215	8	410	801	0	0	153	4	169	208	1	77	68	3	164
160	Xã Thái Mỹ	293	0	22	391	0	0	254	0	18	286	0	3	295	0	1

STT	Ủy ban nhân dân các Xã, phường, đặc khu	TỔNG CỘNG			CẤP MẦM NON (TỪ 3 - DƯỚI 6 TUỔI)			CẤP TIỂU HỌC (TỪ 6 ĐẾN DƯỚI 11 TUỔI)			CẤP THCS (TỪ 11 ĐẾN DƯỚI 15 TUỔI)			CẤP THPT (TỪ 15 ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI)		
		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300		Thực trạng chỉ tiêu 300	Nhu cầu đầu tư để đạt chỉ tiêu 300	
			Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm		Số trường tăng thêm	Số phòng học tăng thêm
161	Xã Thanh An	268	1	25	402	0	0	328	0	0	292	0	0	0	1	25
162	Xã Thạnh An	470	0	0	424	0	0	570	0	0	423	0	0	428	0	0
163	Xã Thường Tân	317	0	21	641	0	0	318	0	0	187	0	12	183	0	9
164	Xã Trừ Văn Thộ	220	1	59	345	0	0	286	0	2	218	0	14	25	1	43
165	Xã Vĩnh Lộc	147	9	479	411	0	0	133	4	168	109	2	124	0	3	187
166	Xã Xuân Sơn	415	0	0	1,039	0	0	330	0	0	358	0	0	351	0	0
167	Xã Xuân Thới Sơn	269	2	128	472	0	0	248	1	48	220	1	55	246	0	25
168	Xã Xuyên Mộc	364	0	3	598	0	0	341	0	0	273	0	3	332	0	0